

Đồng Nai, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội



1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai
2. Trụ sở chính: số 84, Nguyễn Văn Hoa, P.Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai
3. Điện thoại: 0251 3822258 – 3823730 -Fax: 0251 3823731

**4. Người thực hiện công bố thông tin:**

- Họ và tên: Dương Thị Mỹ Dung - Giám đốc Công ty  
- Điện thoại:  
+ di động: 0913 982 908  
+ Cơ quan: 0251 3822258 - Fax: 0251 3823731

**5. Loại thông tin công bố:**

24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**6. Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai, mã chứng khoán: TMW xin công bố với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về văn bản số 23 /TCTCNTP-HĐTĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai về việc triển khai thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước theo Thông báo số 473/TB-KVXIII ngày 28/12/2018 thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai và Biên bản Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 ngày 12/10/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai vào ngày 29 tháng 01 năm 2019 tại địa chỉ <http://wood-tanmai.com.vn>, “mục quan hệ cổ đông”.

Chúng tôi cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin được công bố.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

Nơi nhận:  
- Như trên;  
- Lưu VT



**Dương Thị Mỹ Dung**

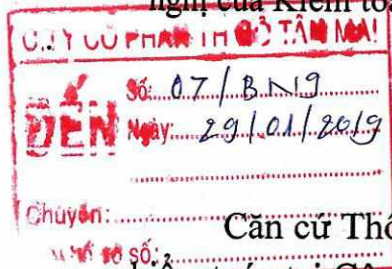
UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
TỔNG CÔNG TY  
CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23 /TCTCNTP-HĐTV

Đồng Nai, ngày 29 tháng 01 năm 2019

V/v triển khai thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước



Kính gửi: Nhóm trưởng Đại diện phần vốn Tổng công ty  
tại Công Ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai

Căn cứ Thông báo số 473/TB-KVXIII ngày 28/12/2018 thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai và Biên bản Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai ngày 12/10/2018 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII, theo đó kiến nghị đối với Công ty:

- Điều chỉnh kê khai lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo kết luận kiểm toán;
- Kiến nghị về xử lý tài chính: Nộp Ngân sách Nhà nước Thuế thu nhập doanh nghiệp 243.421.274 đồng.

Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Công ty thực hiện điều chỉnh số liệu sổ kế toán và báo cáo tài chính năm 2017 theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước.
2. Thực hiện kiến nghị về xử lý tài chính: Công ty thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 do Kiểm toán Nhà nước xác định tăng thêm là 243.421.274 đồng.

Khi Công ty thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về các khoản nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước do Đoàn KTNN xác định phát sinh tăng số tiền 243.421.274 đồng, Công ty thực hiện ghi chép chứng từ theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01/HSKT-KTNN.

Nhóm Đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty có ý kiến với Hội đồng quản trị và Giám đốc của Công ty để giải quyết theo thẩm quyền triển khai, thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đầy đủ các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo số 473/TB-KVXIII ngày 28/12/2018 và Biên bản Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 ngày 12/10/2018 và có Báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh Đồng Nai và Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai để Tổng công ty tổng hợp báo cáo Kiểm toán Nhà nước. Trong báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: các kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, photo kèm theo các chứng từ, tài liệu, ... để chứng minh;

với kiến nghị đang thực hiện và chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do). Thời hạn Công ty gửi báo cáo: trước ngày 28/02/2019.

Giao Nhóm trưởng chịu trách nhiệm thông báo cho các Đại diện phần vốn Tổng công ty tại Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai để cùng nắm và thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Kiểm toán NN KV XIII;
- Sở Tài chính Đồng Nai (b/c);
- Chi cục Tài chính DN;
- Hội đồng thành viên;
- Tổng Giám đốc và các Phó TGD;
- Kiểm soát viên;
- Giám đốc Tài chính;
- Các Phòng: VP, KTTC, KHTH, TCLĐ;
- Đại diện vốn Tcty tại Cty CP TH Gỗ Tân Mai;
- Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai;
- Lưu: VT, KTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Kim Long**

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC  
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC XIII.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số. 473/TB-KVXIII

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 12 năm 2018

C. TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI	
Số: 1 BN 3	
ĐẾN Ngày: 21/12/19	
Chuyên: p.kt.tan	
Lưu hồ sơ số:	

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Kính gửi: Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai



Thực hiện Quyết định số 1961/QĐ-KTNN ngày 20/9/2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai (DOFICO) năm 2018 của tỉnh Đồng Nai. Tổ kiểm toán số 3 tại Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai thuộc Đoàn kiểm toán tại Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai, đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty từ ngày 03/10/2018 đến hết ngày 12/10/2018.

Căn cứ kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán (được ký trên cơ sở kết luận tại cuộc họp Thông qua Dự thảo Biên bản kiểm toán ngày 02/11/2018) và Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai năm 2018 của tỉnh Đồng Nai, KTNN khu vực XIII thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán để đơn vị biết và tổ chức thực hiện như sau:

**I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN**

Các kết quả kiểm toán về số liệu, nhận xét, đánh giá được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán đã được ký với đơn vị năm 2018 và kết quả kiểm toán về số liệu Báo cáo tài chính năm 2017 được thể hiện tại Phụ lục xác nhận Báo cáo tài chính năm 2017 kèm theo.

**Sau đây là một số kết luận chủ yếu:**

- Do thiếu thận trọng, Công ty đã thanh toán hợp đồng DONA-FUR-002/2016 ngày 1/4/2016 giữa Xí Nghiệp May Công nghiệp Đồng Nai (Xí nghiệp) và Công ty TNHH Fur Story nhưng không nhận được hàng hoá. Đến thời điểm kiểm toán, Công ty đã cung cấp thông tin tài liệu cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Bộ Công An theo văn bản số 12/CV.GTM ngày 2/3/2017.

- Nhìn tổng thể thì Công ty có hiệu quả, nhưng hiệu quả mang tính nhất thời, không bền vững; các hoạt động kinh doanh chính tại các XN đều lỗ; năm 2017, lợi nhuận kế toán trước thuế đến từ khoản hoàn nhập dự phòng và thu nhập khác từ bán tài sản. Công ty cần sắp xếp lại tổ chức hoạt động kinh doanh chính, để các hoạt động mang lại hiệu quả kinh tế bền vững.

- Năm 2010 Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai góp vốn 1.000.000.000 đồng vào Công ty CP Đầu tư và Quản lý Khu Liên hợp Công Nông nghiệp hiệu quả thấp.

- Công ty đã xây dựng phương án thoái vốn, tuy nhiên thực hiện tiến độ còn chậm so với Quyết định 4328/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Việc quản lý, sử dụng đất đai tại các Công ty cổ phần sau CPH: Thừa đất số 01, tờ bản đồ số 17 tại Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 52.428,4 m<sup>2</sup>, trong đó được cấp giấy là 49.468,4 m<sup>2</sup>, không được cấp là 2.960,2 m<sup>2</sup> mục đích sử dụng: đất cơ sở sản xuất kinh doanh, hình thức thuê đất trả tiền hàng năm. Đầu năm 2007, Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đồng ý chủ trương cho phép Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai đầu tư Dự án Khu dân cư tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 17, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà. Do Công ty không đủ năng lực đầu tư nên không thực hiện dự án theo chủ trương cho phép; sau đó Công ty tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Mỹ Hưng để thực hiện dự án này. Ngay trong năm 2007, Công ty Cổ phần Tổng Hợp Gỗ Tân Mai họp Hội đồng quản trị đồng ý chuyển nhượng tài sản trên đất và tham gia góp vốn 40% để thành lập Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Mỹ Hưng. Tại thời điểm này, vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai chiếm 70%, Công ty CP Tổng Hợp Gỗ Tân Mai thực hiện đã đầu tư góp vốn ngoài doanh nghiệp vượt 20% so với vốn điều lệ nhưng chưa xin ý kiến của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai là không phù hợp với quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 37 và Điểm e Khoản 1 Điều 40 Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 07/03/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty DOFICO, vi phạm này thuộc trách nhiệm của Người đại diện vốn Tổng công ty tại Công ty CP Tổng hợp gỗ Tân Mai

## **II. KIẾN NGHỊ:**

### **1. Đối với Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai.**

- 1.1. Điều chỉnh kê khai và lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo kết quả kiểm toán
- 1.2. Kiến nghị về xử lý tài chính: Nộp NSNN thuế TNDN 243.421.274 đồng,

### **2. Đối với Cục Thuế Đồng Nai**

Đôn đốc Công ty nộp số thuế qua kiểm toán đã nêu trên

### **3. Đối với Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai**

Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với trách nhiệm của Người đại diện vốn Tổng công ty tại Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai (giai đoạn 2007) trong việc bán tài sản, góp vốn vượt 20% so với vốn điều lệ nhưng không xin ý kiến của Tổng công ty

Đề nghị Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh Đồng Nai, Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai để tổng hợp báo cáo Kiểm toán nhà nước khu vực XIII địa chỉ 209 Lê Hồng Phong, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trước ngày 31/03/2019.

Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do). Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, ghi chép chứng từ theo hướng dẫn tại Phụ lục 01/HSKT-KTNN kèm theo.



Phụ lục số 02/HSKT-KTNN

**TỔNG HỢP KIỆN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017**

**Qua kiểm toán Tổng cộng ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai tại Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai**

(Kèm theo thông báo số 88/TB-KVXIII ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII)



Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng cộng	Thuế TNDN
1	Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai	243.421.274	243.421.274
	<b>Tổng cộng</b>	<b>243.421.274</b>	<b>243.421.274</b>



**PHỤ LỤC XÁC NHẬN BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

(Kèm theo thông báo số 47/TB-KVXIII ngày 28/12/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII)

**A. BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN TẠI 31/12/2017**

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>74.841.139.223</b>	<b>74.977.488.810</b>	<b>136.349.587</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>8.248.485.572</b>	<b>8.248.485.572</b>	-
1. Tiền	1.948.485.572	1.948.485.572	
2. Các khoản tương đương tiền	6.300.000.000	6.300.000.000	
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>23.000.000.000</b>	<b>23.000.000.000</b>	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23.000.000.000	23.000.000.000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>10.704.090.997</b>	<b>10.840.440.584</b>	<b>136.349.587</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	13.748.864.895	13.748.864.895	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.023.780.972	1.023.780.972	
6. Phải thu ngắn hạn khác	1.017.788.482	1.154.138.069	136.349.587
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(5.086.343.352)	(5.086.343.352)	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>29.213.814.742</b>	<b>29.213.814.742</b>	-
1. Hàng tồn kho	30.133.004.915	30.133.004.915	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(919.190.173)	(919.190.173)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>3.674.747.912</b>	<b>3.674.747.912</b>	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	539.648.788	539.648.788	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	2.990.136.556	2.990.136.556	
3. Thuế và phải thu khác Nhà nước	144.962.568	144.962.568	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)</b>	<b>110.647.797.106</b>	<b>110.647.797.106</b>	
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>45.756.432.097</b>	<b>45.756.432.097</b>	-
1. TSCĐ hữu hình	45.722.983.481	45.722.983.481	-
- Nguyên giá	104.336.109.163	104.336.109.163	
- Giá trị hao mòn lũy kế	(58.613.125.682)	(58.613.125.682)	-
3. TSCĐ vô hình	33.448.616	33.448.616	-
- Nguyên giá	167.243.000	167.243.000	

- Giá trị hao mòn lũy kế	(133.794.384)	(133.794.384)	
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>42.994.112.746</b>	<b>42.994.112.746</b>	-
- Nguyên giá	59.564.143.487	59.564.143.487	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(16.570.030.741)	(16.570.030.741)	-
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>21.100.000.000</b>	<b>21.100.000.000</b>	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.100.000.000	1.100.000.000	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>797.252.263</b>	<b>797.252.263</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	797.252.263	797.252.263	
4. Tài sản dài hạn khác	-	-	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270=100+200)	<b>185.488.936.329</b>	<b>185.625.285.916</b>	<b>136.349.587</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>79.335.664.234</b>	<b>79.579.085.508</b>	<b>243.421.274</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>78.743.199.234</b>	<b>78.986.620.508</b>	<b>243.421.274</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	7.271.299.297	7.271.299.297	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	522.127.774	522.127.774	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.952.887	257.374.161	243.421.274
4. Phải trả người lao động	14.562.086.635	14.562.086.635	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	4.508.413.454	4.508.413.454	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	65.760.000	65.760.000	
9. Phải trả ngắn hạn khác	2.082.035.067	2.082.035.067	
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	49.293.809.413	49.293.809.413	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	423.714.707	423.714.707	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>592.465.000</b>	<b>592.465.000</b>	-
7. Phải trả dài hạn khác	592.465.000	592.465.000	
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400=410+430)	<b>106.153.272.095</b>	<b>106.046.200.408</b>	<b>(107.071.687)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>106.153.272.095</b>	<b>106.046.200.408</b>	<b>(107.071.687)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	46.623.500.000	46.623.500.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	46.623.500.000	46.623.500.000	
8. Quỹ đầu tư phát triển	23.018.104.001	23.018.104.001	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	36.511.668.094	36.404.596.407	(107.071.687)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	24.439.067.939	24.439.067.939	
- LNST chưa phân phối kỳ này	12.072.600.155	11.965.528.468	(107.071.687)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>185.488.936.329</b>	<b>185.625.285.916</b>	<b>136.349.587</b>

Giải thích chênh lệch

DVT: Đồng



**1. Tăng phải thu ngắn hạn khác**

136.349.587

Tăng phải thu ngắn hạn khác, do giảm trừ khoản giảm trừ doanh thu bán hàng (gia công 191 sản phẩm tại Xí nghiệp may Đồng Thịnh). Trong các khâu sản xuất, Xí nghiệp kiểm soát chưa chặt chẽ nên tạo ra sản phẩm lỗi

136.349.587

**2. Thuế và phải nộp Nhà nước**

243.421.274

Tăng thuế TNDN phải nộp, do giảm trừ doanh thu hàng bán

27.269.917

Tăng thuế TNDN phải nộp, là khoản chênh lệch thuế suất 2% (22%-20%=2%) theo Khoản 2 Điều 4 Thông tư 78/2017/TT-BTC. Khoản ghi nhận doanh thu thanh lý tài sản cho Công ty TNHH Việt Thuận Thành. Công ty phải ghi nhận doanh thu tại thời điểm năm 2015 với thuế suất 22%, nhưng đến năm 2017 Công ty ghi nhận doanh thu.

216.151.357

**7. LNST chưa phân phối kỳ này tăng**

(107.071.687)

Do điều chỉnh kết quả KD 2017 (giải thích mục B sau)

**B. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017**

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	284.748.347.863	284.748.347.863	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	136.349.587	-	-136.349.587
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	284.611.998.276	284.748.347.863	136.349.587
4. Giá vốn hàng bán	264.550.388.419	264.550.388.419	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20.061.609.857	20.197.959.444	136.349.587
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.745.457.168	2.745.457.168	-
7. Chi phí tài chính	2.376.285.465	2.376.285.465	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	1.727.294.730	1.727.294.730	-
8. Chi phí bán hàng	4.495.104.831	4.495.104.831	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.053.926.110	7.053.926.110	-
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	8.881.750.619	9.018.100.206	136.349.587
11. Thu nhập khác	10.818.499.754	11.210.931.921	-
12. Chi phí khác	4.506.527.201	4.898.959.368	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	6.311.972.553	6.311.972.553	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	15.193.723.172	15.330.072.759	136.349.587
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.121.123.017	3.364.544.291	243.421.274
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	12.072.600.155	11.965.528.468	-107.071.687

**Giải thích chênh lệch**DVT: Đồng**1. Tăng doanh thu**

136.349.587

Giảm khoản giảm trừ doanh thu, do đơn vị giảm trừ tiền gia công 191 sản phẩm lỗi đã xuất cho đối tác đặt gia công tại Xí nghiệp may Đồng Thịnh, nguyên nhân trong các khâu sản xuất, việc kiểm soát chưa được chặt chẽ nên tạo ra các sản phẩm lỗi, dẫn đến đối tác không thanh toán tiền gia công và giảm trừ công nợ cho Bueltel Services số tiền 136.349.587 đồng, hồ sơ chưa đầy đủ theo Điều 81 của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

136.349.587

**2. Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng**

243.421.274

Tăng thuế TNDN phải nộp, do giảm trừ doanh thu hàng bán

27.269.917

Tăng thuế TNDN phải nộp, là khoản chênh lệch thuế suất 2% (22%-20%=2%) theo Khoản 2 Điều 4 Thông tư 78/2017/TT-BTC. Khoản ghi nhận doanh thu, thanh lý tài sản cho Công ty TNHH Việt Thuận Thành. Công ty phải ghi nhận doanh thu tại thời điểm năm 2015 với thuế suất 22%, nhưng đến năm 2017 Công ty ghi nhận doanh thu.

216.151.357

**3. Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng**

107.071.687

Do các nguyên nhân điều chỉnh nói trên.

**C. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP NSNN ĐẾN 31/12/2017****1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước***Đơn vị: Đồng*

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
<b>I. Thuế</b>	<b>144.962.568</b>	<b>144.962.568</b>	-
2.Thuế thu nhập doanh nghiệp	130.072.913	130.072.913	-
4.Thuế nhà đất và tiền thuê đất	14.889.655	14.889.655	-
<b>Tổng cộng =I+II</b>	<b>144.962.568</b>	<b>144.962.568</b>	-

**2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước***Đơn vị: Đồng*

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
<b>I. Thuế</b>	<b>13.952.887</b>	<b>257.374.161</b>	<b>243.421.274</b>
1.Thuế GTGT		-	
2.Thuế thu nhập doanh nghiệp		243.421.274	243.421.274
3.Thuế thu nhập cá nhân	13.952.887	13.952.887	
<b>Tổng cộng =I+II</b>	<b>13.952.887</b>	<b>257.374.161</b>	<b>243.421.274</b>

**Giải thích chênh lệch**DVT: Đồng

**1. Tăng thuế TNDN phải nộp**

**243.421.274**

Tăng thuế TNDN phải nộp, là khoản chênh lệch thuế suất 2% ( $22\% - 20\% = 2\%$ ) theo Khoản 2 Điều 4 Thông tư 78/2017/TT-BTC. Khoản ghi nhận doanh thu thanh lý tài sản cho Công ty TNHH Việt Thuận Thành. Công ty phải ghi nhận doanh thu tại thời điểm năm 2015 với thuế suất 22%, nhưng đến năm 2017 Công ty ghi nhận doanh thu.

216.151.357

Tăng thuế TNDN, do giảm trừ khoản giảm trừ doanh thu đã nêu ở Mục B

27.269.917

Thông báo này gồm 03 trang, từ trang 01 đến trang 03; Phụ lục số 01,02/HSKT-KTNN và Phụ lục xác nhận báo cáo tài chính 2017 của Công ty là bộ phận không tách rời của Thông báo này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TCT CNTP Đồng Nai;
- Cục thuế tỉnh Đồng Nai;
- Vụ Tổng hợp
- Văn phòng KTNN
- Vụ CĐ&KSCLKT;
- KTNN khu vực XIII;
- Đoàn kiểm toán
- Lưu: TH, VT.

**KIỂM TOÁN TRƯỞNG**



## HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

*(Kèm theo thông báo số 473/TB-KVXIII ngày 28/12/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII)*

1. Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại kho bạc nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào kho bạc nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...), ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ "Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2018 tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số 847/KTNN-TH ngày 28 tháng 12 năm 2018 và theo Công văn số 451/KVXIII-TH ngày 28/12/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII gửi Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai, Công văn số 452/KVXIII-TH ngày 28/12/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII gửi Kho bạc nhà nước Trung ương" đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN. Đối với trường hợp kiến nghị cơ quan thuế xử phạt, truy thu thuế đối với các đơn vị: Quyết định xử phạt, truy thu của cơ quan quản lý thuế ghi rõ nội dung "xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2018."; Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước ghi rõ: "Nộp tiền xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2018".

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM TOÁN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017 CỦA**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Thực hiện Quyết định số 1961/QĐ-KTNN ngày 20/9/2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Tổng Công ty Công nghiệp Thực Phẩm (DOFICO) năm 2018 của tỉnh Đồng Nai. Tổ kiểm toán số 3 tại Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai (Công ty) thuộc Đoàn kiểm toán tại Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty từ ngày 03/10/2018 đến ngày 12/10/2018.

Hôm nay, ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại Văn phòng Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai, chúng tôi gồm:

**A. Tổ kiểm toán 04 thuộc Đoàn kiểm toán Báo cáo**

- |                         |   |
|-------------------------|---|
| 1. Ông Lê Viết Trại     | - Kiểm toán viên chính; Tổ trưởng;<br>- Số thẻ KTVNN: B0356 |
| 2. Ông Nguyễn Chí Thanh | - Kiểm toán viên<br>- Số thẻ KTVNN: C1020                   |
| 3. Ông Trịnh Thanh Hà   | - Kiểm toán viên<br>- Số thẻ KTVNN: C1172                   |
| 4. Ông Nguyễn Văn Hùng  | - Chuyên viên.  |

**B. Công ty Cổ Phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai**

- |                           |  |
|---------------------------|--|
| 1. Bà Dương Thị Mỹ Dung   | - Giám đốc                             |
| 2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hà    | - Phó Giám đốc – GD XN May Đồng Thịnh  |
| 3. Bà An Thị Phương       | - Phó Giám đốc – GD XN May Công Nghiệp |
| 4. Ông Nguyễn Thành Hưng  | - Giám đốc XN Ván ép                   |
| 5. Bà Lý Mỹ Hà            | - Trưởng ban Kiểm soát                 |
| 6. Bà Phạm Ngọc Tuyết Vân | - Kế toán trưởng                       |

Và đại diện các Phòng ban, đơn vị phụ thuộc của Công ty. Cùng thông qua biên bản kiểm toán như sau:

**1. Nội dung kiểm toán**

- Xác nhận tính đúng đắn, trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty;

Kiểm toán thực trạng tài chính, đánh giá tính hiệu quả, hiệu lực trong việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của doanh nghiệp theo các tiêu chí quy định tại Nghị định

số 87/2017/NĐ-CP ngày 06/10/2015 về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước và Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

- Kiểm toán đánh giá tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong từng lĩnh vực, từng hoạt động đầu tư kinh doanh của đơn vị được kiểm toán. Kiểm toán, đánh giá hoạt động đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp, đặc biệt là hiệu quả đầu tư ra ngoài nhiệm vụ chính theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ, Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính.

- Kiểm toán việc tuân thủ Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong xây dựng và thực hiện chương trình hành động phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm chống lãng phí, việc ban hành và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong hoạt động của đơn vị; Qua đó kiến nghị xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đã để xảy ra việc mất vốn, gây thiệt hại vốn của doanh nghiệp.

- Kiểm toán việc chấp hành quy định của nhà nước trong đầu tư, mua sắm tài sản; tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực của việc đầu tư và mua sắm tài sản. (nếu có)

- Kiểm toán kết quả thực hiện Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016-2020 theo QĐ số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng chính phủ: (i) kiểm toán việc báo cáo và xử lý các dự án thua lỗ kéo dài, không có khả năng phục hồi; (ii) Kiểm toán việc tuân thủ chính sách bán hàng như khuyến mãi, chiết khấu; việc thực hiện chính sách giá theo quy định của pháp luật.

## **2. Phạm vi và giới hạn kiểm toán**

### **2.1. Phạm vi kiểm toán**

a) Thời kỳ được kiểm toán: Năm tài chính được kiểm toán: Năm 2017 và các thời kỳ trước, sau có liên quan.

b) Đơn vị được kiểm toán: Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai

### **2.2. Giới hạn kiểm toán**

Do điều kiện về thời gian, nhân lực, thời gian kiểm toán không trùng khớp với thời gian thực hiện công tác kiểm kê, đối chiếu về tài sản, công nợ... của công ty nên Tổ kiểm toán xác định giới hạn như sau:

Tổ kiểm toán tiến hành kiểm toán trên cơ sở số liệu, thông tin do Công ty cung cấp; không kiểm toán Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; thực hiện xác minh, đối chiếu công nợ tại thời điểm 31/12/2017 và các tài liệu, hóa đơn do bên ngoài cung cấp cho các đơn vị được kiểm toán nếu thấy cần thiết và trước khi thực hiện báo cáo Lãnh đạo KTNN; không đối chiếu xác minh hóa đơn, chứng từ đầu vào của các đơn vị được kiểm toán (trường hợp cần thiết có thể tổ chức đối chiếu một số hóa đơn, chứng từ có dấu hiệu không bình thường về đơn giá, số tiền, thời điểm phát sinh...);



các chỉ tiêu tổng hợp và hợp nhất của các đơn vị không kiểm toán được lấy theo số liệu báo cáo của đơn vị.

Không kiểm toán xác định giá trị khối lượng XDCB hình thành TSCĐ trong năm và dở dang cuối năm 2017.

### 3. Căn cứ kiểm toán

- Luật Kiểm toán nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản qui phạm pháp luật khác có liên quan;

- Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán, Quy trình kiểm toán, Quy chế tổ chức và hoạt động Đoàn kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

Biên bản kiểm toán được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán; biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của Kiểm toán viên, Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện lập ngày 26/3/2018,

## PHẦN THỨ NHẤT KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

### I/ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI 31/12/2017

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2-1</i>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>74.841.139.223</b>	<b>74.977.488.810</b>	<b>136.349.587</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>8.248.485.572</b>	<b>8.248.485.572</b>	<b>-</b>
1. Tiền	1.948.485.572	1.948.485.572	
2. Các khoản tương đương tiền	6.300.000.000	6.300.000.000	
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>23.000.000.000</b>	<b>23.000.000.000</b>	<b>-</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23.000.000.000	23.000.000.000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>10.704.090.997</b>	<b>10.840.440.584</b>	<b>136.349.587</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	13.748.864.895	13.748.864.895	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.023.780.972	1.023.780.972	
6. Phải thu ngắn hạn khác	1.017.788.482	1.154.138.069	136.349.587
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(5.086.343.352)	(5.086.343.352)	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>29.213.814.742</b>	<b>29.213.814.742</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	30.133.004.915	30.133.004.915	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(919.190.173)	(919.190.173)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>3.674.747.912</b>	<b>3.674.747.912</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	539.648.788	539.648.788	



2. Thuế GTGT được khấu trừ	2.990.136.556	2.990.136.556	
3. Thuế và phải thu khác Nhà nước	144.962.568	144.962.568	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)</b>	<b>110.647.797.106</b>	<b>110.647.797.106</b>	
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>45.756.432.097</b>	<b>45.756.432.097</b>	-
1. TSCĐ hữu hình	45.722.983.481	45.722.983.481	-
- Nguyên giá	104.336.109.163	104.336.109.163	
- Giá trị hao mòn lũy kế	(58.613.125.682)	(58.613.125.682)	-
3. TSCĐ vô hình	33.448.616	33.448.616	-
- Nguyên giá	167.243.000	167.243.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	(133.794.384)	(133.794.384)	
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>42.994.112.746</b>	<b>42.994.112.746</b>	-
- Nguyên giá	59.564.143.487	59.564.143.487	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(16.570.030.741)	(16.570.030.741)	-
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>21.100.000.000</b>	<b>21.100.000.000</b>	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.100.000.000	1.100.000.000	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>797.252.263</b>	<b>797.252.263</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	797.252.263	797.252.263	
4. Tài sản dài hạn khác	-	-	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>185.488.936.329</b>	<b>185.625.285.916</b>	<b>136.349.587</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>79.335.664.234</b>	<b>79.579.085.508</b>	<b>243.421.274</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>78.743.199.234</b>	<b>78.986.620.508</b>	<b>243.421.274</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	7.271.299.297	7.271.299.297	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	522.127.774	522.127.774	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.952.887	257.374.161	243.421.274
4. Phải trả người lao động	14.562.086.635	14.562.086.635	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	4.508.413.454	4.508.413.454	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	65.760.000	65.760.000	
9. Phải trả ngắn hạn khác	2.082.035.067	2.082.035.067	
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	49.293.809.413	49.293.809.413	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	423.714.707	423.714.707	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>592.465.000</b>	<b>592.465.000</b>	-
7. Phải trả dài hạn khác	592.465.000	592.465.000	
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>106.153.272.095</b>	<b>106.046.200.408</b>	<b>(107.071.687)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>106.153.272.095</b>	<b>106.046.200.408</b>	<b>(107.071.687)</b>

1. Vốn góp của chủ sở hữu	46.623.500.000	46.623.500.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	46.623.500.000	46.623.500.000	
8. Quỹ đầu tư phát triển	23.018.104.001	23.018.104.001	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	36.511.668.094	36.404.596.407	(107.071.687)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	24.439.067.939	24.439.067.939	
- LNST chưa phân phối kỳ này	12.072.600.155	11.965.528.468	(107.071.687)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>185.488.936.329</b>	<b>185.625.285.916</b>	<b>136.349.587</b>

**Giải thích chênh lệch**

*DVT: Đồng*

**1. Tăng phải thu ngắn hạn khác**

**136.349.587**

Tăng phải thu ngắn hạn khác, do giảm trừ khoản giảm trừ doanh thu bán hàng (gia công 191 sản phẩm tại Xí nghiệp may Đồng Thịnh). Trong các khâu sản xuất, Xí nghiệp kiểm soát chưa chặt chẽ nên tạo ra sản phẩm lỗi

136.349.587

**2. Thuế và phải nộp Nhà nước**

**243.421.274**

Tăng thuế TNDN phải nộp, do giảm trừ doanh thu hàng bán

27.269.917

Tăng thuế TNDN phải nộp, là khoản chênh lệch thuế suất 2% (22%-20%=2%) theo Khoản 2 Điều 4 Thông tư 78/2017/TT-BTC. Khoản ghi nhận doanh thu thanh lý tài sản cho Công ty TNHH Việt Thuận Thành. Công ty phải ghi nhận doanh thu tại thời điểm năm 2015 với thuế suất 22%, nhưng đến năm 2017 Công ty ghi nhận doanh thu.

216.151.357

**7. LNST chưa phân phối kỳ này tăng**

**(107.071.687)**

Do điều chỉnh kết quả KD 2017 (giải thích mục B sau)

**B. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017**

*Đơn vị: Đồng*

CHỈ TIÊU	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	284.748.347.863	284.748.347.863	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	136.349.587	-	-136.349.587
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	284.611.998.276	284.748.347.863	136.349.587
4. Giá vốn hàng bán	264.550.388.419	264.550.388.419	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20.061.609.857	20.197.959.444	136.349.587
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.745.457.168	2.745.457.168	-
7. Chi phí tài chính	2.376.285.465	2.376.285.465	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	1.727.294.730	1.727.294.730	-
8. Chi phí bán hàng	4.495.104.831	4.495.104.831	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.053.926.110	7.053.926.110	-

10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	8.881.750.619	9.018.100.206	136.349.587
11. Thu nhập khác	10.818.499.754	10.818.499.754	-
12. Chi phí khác	4.506.527.201	4.506.527.201	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	6.311.972.553	6.311.972.553	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	15.193.723.172	15.330.072.759	136.349.587
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.121.123.017	3.364.544.291	243.421.274
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	12.072.600.155	11.965.528.468	-107.071.687

**Giải thích chênh lệch**

**DVT: Đồng**

**1. Tăng doanh thu**

**136.349.587**

Giảm khoản giảm trừ doanh thu, do đơn vị giảm trừ tiền gia công 191 sản phẩm lỗi đã xuất cho đối tác đặt gia công tại Xí nghiệp may Đồng Thịnh, nguyên nhân trong các khâu sản xuất, việc kiểm soát chưa được chặt chẽ nên tạo ra các sản phẩm lỗi, dẫn đến đối tác không thanh toán tiền gia công và giảm trừ công nợ cho Bueltel Services số tiền 136.349.587 đồng, hồ sơ chưa đầy đủ theo Điều 81 của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

136.349.587

**2. Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng**

**243.421.274**

Tăng thuế TNDN phải nộp, do giảm trừ doanh thu hàng bán

27.269.917

Tăng thuế TNDN phải nộp, là khoản chênh lệch thuế suất 2% (22%-20%=2%) theo Khoản 2 Điều 4 Thông tư 78/2017/TT-BTC. Khoản ghi nhận doanh thu thanh lý tài sản cho Công ty TNHH Việt Thuận Thành. Công ty phải ghi nhận doanh thu tại thời điểm năm 2015 với thuế suất 22%, nhưng đến năm 2017 Công ty ghi nhận doanh thu.

216.151.357

**3. Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng**

**(107.071.687)**

Do các nguyên nhân điều chỉnh nói trên.

**C. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP NSNN ĐẾN 31/12/2017**

**1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
<b>I. Thuế</b>	<b>144.962.568</b>	<b>144.962.568</b>	-
2.Thuế thu nhập doanh nghiệp	130.072.913	130.072.913	-
4.Thuế nhà đất và tiền thuê đất	14.889.655	14.889.655	-
<b>Tổng cộng =I+II</b>	<b>144.962.568</b>	<b>144.962.568</b>	-

## 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
<b>I. Thuế</b>	<b>13.952.887</b>	<b>257.374.161</b>	<b>243.421.274</b>
1.Thuế GTGT		-	
2.Thuế thu nhập doanh nghiệp		243.421.274	243.421.274
3.Thuế thu nhập cá nhân	13.952.887	13.952.887	
<b>Tổng cộng =I+II</b>	<b>13.952.887</b>	<b>257.374.161</b>	<b>243.421.274</b>

### Giải thích chênh lệch

DVT: Đồng

#### 1. Tăng thuế TNDN phải nộp

243.421.274

Tăng thuế TNDN phải nộp, là khoản chênh lệch thuế suất 2% (22%-20%=2%) theo Khoản 2 Điều 4 Thông tư 78/2017/TT-BTC. Khoản ghi nhận doanh thu thanh lý tài sản cho Công ty TNHH Việt Thuận Thành. Công ty phải ghi nhận doanh thu tại thời điểm năm 2015 với thuế suất 22%, nhưng đến năm 2017 Công ty ghi nhận doanh thu.

216.151.357

Tăng thuế TNDN, do giảm trừ khoản giảm trừ doanh thu đã nêu ở Mục B

27.269.917

## II. VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TIỀN VÀ TÀI SẢN TẠI DOANH NGHIỆP

### 1. Quản lý tài chính, kế toán

Năm 2017, Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp năm 2014, quản lý tài chính theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế quản lý tài chính, các Nghị quyết hàng năm của HĐQT và các quy chế kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công tác quản lý tài chính, kế toán của Công ty được thể hiện cơ bản như sau:

#### 1.1. Quản lý tài sản và nguồn vốn

##### a) Quản lý tiền, các khoản tương đương tiền:

Tại thời điểm 31/12/2017, số dư tiền và các khoản tương đương tiền là 8.248.485.572 đồng, trong đó: Tiền mặt 1.948.485.572 đồng; các khoản tương đương tiền 6.300.000.000 đồng (chiếm 96%) là các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Công ty đã hạch toán, phản ánh và báo cáo cụ thể tình hình thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Cuối năm đơn vị đã thực hiện kiểm kê quỹ tiền mặt, đối chiếu số dư tiền gửi, tiền vay tại các ngân hàng; số liệu khớp đúng giữa sổ chi tiết, BCTC và đối chiếu, xác nhận của ngân hàng. Qua chọn mẫu một số chứng từ cho thấy, các chứng từ thu chi đầy đủ, căn cứ ghi nhận nghiệp vụ phát sinh đầy đủ và hợp lệ theo quy định, phù hợp với quy chế chi tiêu của đơn vị.

##### b) Đầu tư tài chính

- Quản lý đầu tư tài chính ngắn hạn

Tại đơn vị vào ngày 31/12/2017 có số dư là 23.000.000.000 đồng, đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng, đơn vị mở sổ theo dõi, hạch toán phù hợp với quy định kế toán hiện hành. Cuối năm thực hiện đối chiếu với ngân hàng, số đối chiếu khớp đúng với số báo cáo.

*- Quản lý đầu tư tài chính dài hạn*

Tại đơn vị vào ngày 31/12/2017 có số dư là 21.100.000.000 đồng; đầu tư góp vốn 1.000.000.000 đồng vào Công ty CP Đầu tư và Quản lý Khu liên hợp Công nông nghiệp Đồng Nai; tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 12 tháng 20.000.000.000 đồng; trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam 100.000.000 đồng.

Qua kiểm toán cho thấy, Công ty đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Quản lý Khu liên hợp Công Nông Nghiệp Đồng Nai hiệu quả thấp (cổ tức được chia từ 2010 đến 2016 chỉ được 150.000.000 đồng là quá thấp so với lãi tiền gửi ngân hàng)

**c) Quản lý các khoản phải thu ngắn hạn**

Theo báo cáo, tại ngày 31/12/2017, các khoản phải thu ngắn hạn 10.704.090.997 đồng, gồm:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 13.748.864.895 đồng, đơn vị mở sổ theo dõi công nợ khách hàng, cuối năm cơ bản đối chiếu công nợ phải thu; tuy nhiên còn các khách hàng đơn vị không đối chiếu công nợ gồm: Công ty CP Gỗ Đức Bảo nợ 1.702.081.830 đồng; Ông Trần Văn Nguyên nợ 119.000.000 đồng; Công ty TNHH Mekong nợ 211.581.059 đồng; Ông SHIN MYUNG CHUL nợ 104.474 USD quy thành tiền VN 2.175.987.180 đồng.

- Trả trước cho người bán ngắn hạn là 1.023.780.972 đồng; Phải thu ngắn hạn khác là 1.017.788.482 đồng, đơn vị mở sổ theo dõi công nợ khách hàng, cuối năm cơ bản đối chiếu công nợ.

- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là (5.086.343.352) gồm: VP Công ty 4.208.650.069 đồng; Xí nghiệp Ván ép Tân Mai 43.777.827 đồng; Xí nghiệp May Đồng Thịnh 833.915.456 đồng, các khoản nợ nợ trên 3 năm của các doanh nghiệp phá sản, ngừng hoạt động đang thi hành án và bỏ trốn không có khả năng chi trả.

- Về xử lý khoản tiền của Công ty TNHH Fur Story: 426.100.462 đồng.

Theo điều khoản thanh toán trong hợp đồng DONA-FUR-002/2016 ngày 1/4/2016 giữa Xí Nghiệp May Công nghiệp Đồng Nai (Xí nghiệp) và Công ty TNHH Fur Story Có Văn phòng, Xí nghiệp phải thanh toán 100% cho nhà cung cấp trước khi nhận hàng lông thú. Sau khi thanh toán số tiền trên, Xí nghiệp vẫn không nhận được hàng; Qua kiểm tra hồ sơ cho thấy: vào tháng 3/2016 nhân viên Nguyễn Hoàng Thủy Tiên thuộc Phòng kinh doanh tại Xí Nghiệp, giao dịch với khách hàng qua Mail, lần này trên hợp đồng thay đổi tên ngân hàng và số tài khoản khác với những lần trước, lần này chuyển vào tài khoản Saastopankki Sinetti số FI34 4500 0010 0840 82 của Ola Oluwa Williams sinh ngày 08/01/1979, công dân Nigeria tại HEVOSENKENKA 3, ESPOO, Finland. Bà Thủy Tiên phát hiện và có thắc mắc email; Tuy nhiên, do sự thiếu thận trọng và Bà Thủy Tiên đã báo kế toán chuyển tiền



tài khoản như đã nêu trên. Hiện Công ty đã cung cấp thông tin tài liệu cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Bộ Công An theo văn bản số 12/CV.GTM ngày 2/3/2017; đến thời điểm kiểm toán vẫn chưa có kết quả.

- Tăng phải thu khác 136.349.587 đồng, do điều chỉnh giảm khoản giảm trừ doanh thu.

#### **d) Quản lý hàng tồn kho**

Số dư tài khoản hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2017 là 29.213.814.742 đồng; Trong đó: Nguyên liệu, vật liệu 4.868.960.256 đồng; Công cụ, dụng cụ 295.657.250 đồng; Thành phẩm 19.720.807.931 đồng; Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang 5.247.579.478 đồng; Dự phòng giảm giá HTK 919.190.173 đồng.

Nhìn chung công ty theo dõi, hạch toán và kiểm kê hàng tồn kho theo quy định. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa được theo dõi nhập, xuất kho chi tiết về mặt số lượng và giá trị theo từng chủng loại, mặt hàng; cuối năm có tổ chức thực hiện kiểm kê theo quy định.

#### **đ) Quản lý tài sản ngắn hạn và dài hạn khác**

Theo báo cáo, tại ngày 31/12/2017, tài sản ngắn hạn khác 3.674.747.912 đồng Trong đó: Chi phí trả trước ngắn hạn là 539.648.788 đồng, Thuế GTGT được khấu trừ là 2.990.136.556 đồng và thuế và các khoản khác phải thu nhà nước là 144.962.568 đồng. Công ty mở sổ sách theo dõi theo đúng quy định.

Theo báo cáo, tại ngày 31/12/2017, tài sản dài hạn khác 797.252.263 đồng đây là chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là chi phí phân bổ có thời hạn dưới 3 năm. Đơn vị có tổ chức theo dõi chi tiết tình hình phân bổ chi phí.

#### **e) Quản lý tài sản dài hạn**

- *Quản lý tài sản cố định (TSCĐ):*

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm 104.336.109.163 đồng, hao mòn lũy kế 58.613.125.682 đồng, giá trị còn lại 45.722.983.481 đồng. Nguyên giá tài sản cố định của công ty chiếm tỷ trọng 56% trong tổng tài sản, nhiều TSCĐ đã hết giá trị khấu hao nhưng đơn vị tận dụng để hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá TSCĐ vô hình là 167.243.000 đồng, hao mòn lũy kế 133.794.384 đồng, giá trị còn lại 33.448.616 đồng. Đây là giá trị phần mềm quản lý doanh nghiệp của công ty. Nhìn chung, Công ty mở sổ kế toán và theo dõi cụ thể, chi tiết biến động tài sản; cuối năm thực hiện kiểm kê, lập báo cáo theo quy định. Thực hiện trích khấu hao TSCĐ thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- *Quản lý bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư có số dư tại thời điểm 31/12/2017 là 42.994.112.746 đồng. Trong đó: Nguyên giá Bất động sản đầu tư là 59.564.143.487 đồng, hao mòn lũy kế 16.570.030.741 đồng, giá trị còn lại 42.994.112.746 đồng. Đây là giá trị các nhà kho

cho thuê tại đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP Biên Hòa và tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Về cơ bản việc quản lý bất động sản đầu tư tương đối chặt chẽ, mỗi tài sản có hồ sơ riêng.

**f) Quản lý các khoản nợ phải trả:**

Nợ phải trả của công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 79.335.664.234 đồng. Qua kiểm toán tình hình công nợ của công ty như sau:

- *Quản lý nợ ngắn hạn:* Nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2017 là 78.743.199.234 đồng, bao gồm: Phải trả cho các người bán ngắn hạn 7.271.299.297 đồng; Người mua trả tiền trước ngắn hạn 522.127.774 đồng; Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 13.952.887 đồng, phải trả người lao động 14.562.086.635 đồng, Chi phí phải trả ngắn hạn 4.508.413.454 đồng; Doanh thu chưa thực hiện 65.760.000 đồng; Phải trả ngắn hạn khác 2.082.035.067 đồng; vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác 49.293.809.413 đồng và các quỹ khen thưởng phúc lợi 423.714.707 đồng.

Các khoản nợ phải trả đã được theo dõi, phân loại, kiểm tra theo quy định. Số liệu cuối năm khớp đúng sổ sách, báo cáo và các đối chiếu được khách hàng xác nhận.

*\* Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*

Qua kiểm toán cho thấy, Công ty cơ bản đã kê khai, nộp thuế đúng theo quy định. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại: Thuế TNDN tăng 243.421.274 đồng.

- Tăng thuế TNDN phải nộp 216.151.357 đồng, là khoản chênh lệch thuế suất 2% (22%-20%=2%) theo Khoản 2 Điều 4 Thông tư 78/2017/TT-BTC. Khoản ghi nhận doanh thu thanh lý tài sản cho Công ty TNHH Việt Thuận Thành. Căn cứ vào Hợp đồng đã ký và biên bản làm việc, Công ty phải ghi nhận doanh thu tại thời điểm năm 2015 với thuế suất 22%, nhưng đến năm 2017 Công ty ghi nhận doanh thu.

- Tăng thuế TNDN phải nộp 27.269.917 đồng, do điều chỉnh giảm khoản giảm trừ doanh thu đã nêu tại mục Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017.

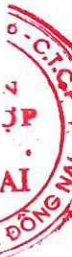
*\* Quản lý, phân phối tiền lương và các khoản phải trả người lao động:*

Về cơ bản Công ty đã thực hiện xây dựng quỹ lương năm 2017 theo Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về tiền lương; 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 quy định về chế độ lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với CTCP, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2016/NĐ-CP.

**l) Quản lý nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu của Công ty đến 31/12/2017 là 106.153.272.095 đồng; gồm: vốn đầu tư của chủ sở hữu 46.623.500.000 đồng; Quỹ đầu tư phát triển 23.018.104.001 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 36.511.668.094 đồng.

Việc hạch toán theo dõi, quản lý sử dụng vốn đầu tư của chủ sở hữu và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được thực hiện theo quy định, số liệu liên quan đến vốn góp chủ sở hữu trong năm 2017 không có biến động: Vốn đầu tư của Tổng Công ty



Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai là 32.695.000.000 đồng (chiếm 70,13% trên vốn chủ sở hữu); Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai 3.020.000.000 đồng (chiếm 6,48% trên vốn chủ sở hữu); Công ty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa 4.165.000.000 đồng (chiếm 8,93% trên vốn chủ sở hữu); các cổ đông khác 6.743.500.000 đồng (chiếm 14,46% trên vốn chủ sở hữu).

Trong năm 2017, Công ty đã đại hội cổ đông theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-DH ngày 17/04/2017 về Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 để phân chia cổ tức 10%/VĐL 4.662.350.000 đồng; Trích lập quỹ đầu tư phát triển (10% lợi nhuận sau thuế năm 2016) 100.662.257 đồng; Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (20% lợi nhuận sau thuế năm 2016) 201.324.514 đồng.

Qua kiểm toán, điều chỉnh lợi nhuận chưa phân phối giảm 107.071.687 đồng; được nêu tại Mục A - Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2017.

## **1.2. Quản lý doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh**

### **a) Quản lý, hạch toán doanh thu và thu nhập**

Theo báo cáo, năm 2017, Tổng thu nhập của Công ty 298.312.304.785 đồng; trong đó: doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ 284.748.347.863 đồng; doanh thu tài chính 2.745.457.168 đồng và thu nhập khác 10.818.499.754 đồng.

Qua kiểm toán cho thấy, Công ty thực hiện ghi nhận và hạch toán doanh thu bán hàng cơ bản phù hợp theo Chuẩn mực doanh thu và quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, còn tồn tại một số vấn đề sau:

- Giảm khoản giảm trừ doanh thu 136.349.587 đồng, đã nêu tại mục B - Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2017

### **b) Quản lý, hạch toán chi phí**

- Về Giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán phát sinh năm 2017 số tiền 264.550.388.419 đồng. Trong đó: Giá vốn hàng bán tại văn phòng công ty là 3.504.752.735 đồng, đây là giá vốn hoạt động cho thuê kho, bao gồm chi phí nhân viên phân xưởng 298.859.379 đồng, Chi phí khấu hao BĐS 2.330.305.752 đồng và chi phí khác 875.587.604 đồng. Giá vốn hàng bán tại Xí nghiệp May Đồng Thịnh 56.955.846.243 đồng, đây là giá vốn gia công sản xuất hàng may mặc. Giá vốn hàng bán tại Xí nghiệp May Công nghiệp Đồng Nai 168.008.615.817 đồng, đây là giá vốn sản xuất hàng may mặc. Giá vốn hàng bán tại Xí nghiệp Ván ép 36.081.173.624 đồng, đây là giá vốn sản xuất Ván ép 21.888.168.210 đồng và Gia công Veneer 13.982.831.369 đồng và Giá vốn hàng bán phụ liệu 210.174.045 đồng.

Giá vốn hàng bán được Công ty tập hợp, theo dõi đối với từng loại sản phẩm trên cơ sở tập hợp chi phí phát sinh cho từng sản phẩm. Việc ghi chép, hạch toán và báo cáo giá thành, giá vốn về cơ bản Công ty được thực hiện theo quy định hiện hành.

- Các khoản chi phí ngoài giá vốn:



Theo báo cáo, năm 2017, Tổng chi phí ngoài giá vốn của Công ty 18.431.843.607 đồng; chi phí tài chính 2.376.285.465 đồng; chi phí bán hàng 4.495.104.831 đồng; chi phí quản lý doanh nghiệp 7.053.926.110 đồng; chi phí khác 4.506.527.201 đồng.

Qua chọn mẫu kiểm toán chứng từ chi phí phát sinh 2017 cho thấy: Các khoản chi phí hạch toán trong năm tại Công ty về cơ bản đều là chi phí thực tế, có chứng từ chứng minh nội dung chi; các khoản chi tiêu cố định nằm trong định mức quy định của nội bộ Công ty.

### **1.3. Thuế và các khoản phải nộp NSNN**

Theo báo cáo của đơn vị, trong năm 2017 đơn vị đã thực hiện nộp thuế là 2.837.488.603 đồng. Đến 31/12/2017, Công ty còn phải nộp 13.952.887 đồng, Công ty đã thực hiện nộp NS đầy đủ theo đúng thời hạn.

Kết quả kiểm toán cho thấy: Về cơ bản công ty đã thực hiện việc kê khai các loại thuế và nghĩa vụ NSNN theo quy định; chấp hành thời gian kê khai và nộp thuế đúng thời hạn. Tuy nhiên, tăng thuế TNDN 243.421.274 đồng (đã nêu tại Mục C.2)

### **1.4. Về tổ chức công tác kế toán**

Công tác kế toán tại Công ty được tổ chức theo mô hình tổ chức kế toán tập trung, toàn bộ công việc xử lý thông tin tài chính – kế toán trong toàn công ty được thực hiện tập trung ở Phòng Tài chính – Kế toán.

Công tác kế toán của Công ty (chứng từ kế toán, hạch toán kế toán, sổ kế toán) cơ bản thực hiện theo Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; nhìn chung đáp ứng được việc quản lý tài chính tại Công ty.

## **2. Tình hình thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện vốn Nhà nước tại doanh nghiệp**

Theo Quyết định số 157/QĐ-HĐTV ngày 01/4/2016 và Quyết định số 105/QĐ-HĐTV ngày 24/4/2017 của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai (DOFICO) Về việc điều chỉnh số cổ phần nắm giữ của các đại diện vốn Tổng công ty tại Công ty CP TH Gõ Tân Mai như sau: Ông Phùng Văn Nhi, nhóm trưởng đại diện vốn Tổng công ty 938.325 cổ phần, tương đương: 9.383.250.000 đồng, chiếm tỷ lệ 20,13% /vốn điều lệ; Bà Phạm Ngọc Tuyết Vân, đại diện vốn Tổng công ty 745.976 cổ phần, tương đương: 7.459.760.000 đồng, chiếm tỷ lệ 16% /vốn điều lệ; Bà Dương Thị Mỹ Dung, đại diện vốn Tổng công ty 839.223 cổ phần, tương đương: 8.392.230.000 đồng, chiếm tỷ lệ 18% /vốn điều lệ; Ông Trần Hữu Đức, đại diện vốn Tổng công ty 745.976 cổ phần, tương đương: 7.459.760.000 đồng, chiếm tỷ lệ 16% /vốn điều lệ. Qua kiểm toán, quản lý hoạt động tài chính tại đơn vị cho thấy:

- Tổng vốn của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai tại Công ty CP TH Gõ Tân Mai chiếm 70,125% (32.695.000.000 đồng); Vốn điều lệ của Công ty CP TH Gõ Tân Mai: 46.623.500.000 đồng; Vốn thực góp đến ngày 31/12/2017 Công ty CP TH Gõ Tân Mai: 46.623.500.000 đồng. Trong đó: Vốn Nhà nước (Tổng



Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai): 32.695.000.000 đồng. Tỷ lệ nắm giữ : 70,125 %.

- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai đã giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh – tài chính năm 2017 cho Công ty CP TH Gỗ Tân Mai tại Quyết Định số 48/QĐ-HĐTV ngày 28/02/2017. Người đại diện vốn của DOFICO tại đơn vị đã nhận, quản lý và sử dụng vốn của DOFICO tại Công ty CP TH Gỗ Tân Mai, cụ thể là:

+ Hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách theo như Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua;

+ Kết quả kinh doanh 2017 đạt hiệu quả, lãi 15.193 trđ, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra; đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- Thực hiện đầy đủ việc lập và gửi báo cáo định kỳ theo biểu mẫu quy định trong Quy chế quản lý người đại diện vốn ban hành kèm theo Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 06/10/2015 và Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính.

Trong năm 2017, Công ty đã đại hội cổ đông theo Nghị quyết số 01/2017NQ-DHĐCĐ.GTM ngày 27/04/2017 về việc Đại hội cổ đông đề phân chia 4.964.336.771 đồng lợi nhuận của năm 2016. Quỹ khen thưởng, phúc lợi 201.324.514 đồng; Cổ tức bằng tiền mặt 4.662.350.000 đồng (chiếm 10%/ Vốn điều lệ); Quỹ đầu tư phát triển 100.662.257 đồng.

Trong năm 2018, Công ty đã đại hội cổ đông theo Nghị quyết số 01/2018NQ-DHĐCĐ.GTM ngày 24/04/2018 về việc Đại hội cổ đông đề phân chia: 10.736.031.048 đồng, lợi nhuận của năm 2017: Quỹ đầu tư phát triển 1.207.260.016 đồng. Quỹ khen thưởng, phúc lợi 2.414.520.031 đồng; Quỹ thưởng ban quản lý điều hành 120.726.002 đồng; Cổ tức bằng tiền mặt 6.993.525.000 đồng (chiếm 15%/ vốn điều lệ).

### **3. Kiểm toán đánh giá tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong từng lĩnh vực, từng hoạt động đầu tư kinh doanh của đơn vị được kiểm toán**

\* *Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:* Nhìn tổng thể thì Công ty có hiệu quả, nhưng hiệu quả mang tính nhất thời, không bền vững. Theo báo cáo của đơn vị, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2017 là 15.193.723.172 đồng; các hoạt động kinh doanh chính tại các XN đều lỗ; Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2017 đến từ khoản hoàn nhập dự phòng và thu nhập khác từ bán tài sản. Công ty cần sắp xếp lại tổ chức hoạt động kinh doanh chính, để các hoạt động mang lại hiệu quả kinh tế bền vững. Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2017 tại các đơn vị như sau:

Đơn vị tính: Đồng

XN Ván ép	XN May Đồng Thịnh	XN May Công Nghiệp	Văn phòng
-4.755.112.826,0	-6.557.861.678,0	-1.190.862.117,0	27.697.559.793,0

\* *Đầu tư góp vốn*

- Công ty CP Phát triển Đô Thị Tam Phước: Năm 2010 Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai góp vốn 4.600.000.000 đồng vào Công ty CP Phát triển Đô thị Tam

Phước; Năm 2013 chia cổ tức 10%, năm 2016 chia cổ tức 20% và năm 2017 chia cổ tức 5,98% trên vốn góp. Theo Quyết định số 01/QĐ.ĐHĐCĐ ngày 15/3/2017 của Công ty CP Phát triển Đô thị Tam Phước về việc giải thể công ty; ngày 17/4/2017 Công ty CP Phát triển Đô thị Tam Phước thanh toán lại toàn bộ vốn góp 4,6 tỷ đồng cho Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai.

- Công ty CP Đầu tư và Quản lý Khu Liên hợp Công Nông nghiệp (AROPARK): Năm 2010 Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai góp vốn 1.000.000.000 đồng vào Công ty CP Đầu tư và Quản lý Khu Liên hợp Công Nông nghiệp; năm 2013 chia cổ tức 9% và năm 2016 chia cổ tức 6% trên vốn góp. Theo Quyết định số 10/QĐ.ĐHĐCĐ ngày 31/8/2018 của Công ty CP Đầu tư và Quản lý Khu Liên hợp Công Nông nghiệp về việc giải thể công ty; ngày 1/10/2018 Công ty CP Đầu tư và Quản lý Khu Liên hợp Công Nông nghiệp thanh toán lại toàn bộ vốn góp 1 tỷ đồng cho Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai, cổ tức tiếp tục chia sau khi quyết toán của cơ quan Thuế. Công ty đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Quản lý Khu liên hợp Công nông Nghiệp Đồng Nai hiệu quả thấp.

#### **4. Kiểm toán việc tuân thủ Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong xây dựng và thực hiện chương trình hành động phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm chống lãng phí, việc ban hành và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong hoạt động của đơn vị.**

Nhìn chung đơn vị đã chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán theo quy định; đơn vị thực hiện việc lập, ghi chép, tập hợp và lưu trữ các loại chứng từ kế toán theo quy định; đơn vị sử dụng chương trình kế toán trên máy vi tính, định kỳ có in sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết, thực hiện các thủ tục mở sổ, khóa sổ, ký tên, đóng dấu để lưu trữ theo quy định. Báo cáo tài chính năm 2017 của đơn vị lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, và công bố thông tin theo quy định.

Thực hiện kế hoạch số 51/KH-TCTCNTP và số 52/KH-TCTCNTP ngày 14/02/2017 của Tổng Công ty CNTP Đồng Nai về công tác phòng, chống tham nhũng và thực hiện Chương trình hành động về phòng, chống tham nhũng năm 2017. Công ty CPTH Gỗ Tân Mai đã xây dựng Kế hoạch phòng chống tham nhũng, lãng phí năm 2017 với các nội dung, nhiệm vụ cụ thể; triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch đến các đơn vị, bộ phận trong toàn công ty.

Công ty đã xây dựng kế hoạch thực hiện kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, theo kế hoạch số 331/KH-TCTCNTP ngày 28/7/2017 của Tổng công ty.

- Về cơ bản Công ty thực hiện nghiêm túc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ quản lý tài chính - kế toán, Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Công ty chú trọng công tác truyền truyền, quán triệt sâu rộng phổ biến Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến từng CBCNV, xây dựng ban hành và thực hiện các chế độ, xây dựng định mức tiêu chuẩn và quy chế chi tiêu nội

bộ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quy định công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong một số lĩnh vực cụ thể như thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của đơn vị; xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng; thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập.

Trong năm 2017, Công ty Cổ Phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai đã thực hiện quyết toán các khoản thuế, phí và nộp vào Ngân sách Nhà nước kịp thời, theo quy định.

**5. Kiểm toán kết quả thực hiện Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016-2020 theo QĐ số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; (i) kiểm toán việc báo cáo và xử lý các dự án thua lỗ kéo dài, không có khả năng phục hồi; (ii) Kiểm toán việc tuân thủ chính sách bán hàng như khuyến mãi, chiết khấu; việc thực hiện chính sách giá theo quy định của pháp luật.**

Theo văn bản số 237/TCTCNTP-TVLK ngày 8/7/2016 về việc thoái vốn đầu tư của Tổng công ty tại Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai, căn cứ theo phương án sắp xếp tái cơ cấu, thoái vốn DNNN giai đoạn năm 2016-2020 đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại văn bản số 6704/UBND-KT ngày 24/8/2015.

Tổng công ty đã ký Hợp đồng số 76/2016/BVSC.HCM-DOFICO/TV-BVCP ngày 22/12/2016 với Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt về việc tư vấn thoái vốn cổ phần vốn nhà nước tại Công ty CP Tổng hợp gỗ Tân Mai. Tuy nhiên, việc thoái vốn vẫn chưa đạt kết quả, do các nguyên nhân về giá cả (giá khởi điểm bán cao vượt biên độ giá cổ phiếu Công ty đang giao dịch trên sàn Upcom nên không bán thỏa thuận trên sàn được) và về số lượng cổ phần bán ra.

Căn cứ Văn bản số 3933/UBND-KT ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn, sắp xếp doanh nghiệp giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ đối với Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty đã có văn bản số 157/TCTCNTP-HĐTV ngày 09/6/2017 chỉ đạo Nhóm đại diện vốn Tổng công ty tại Công ty CPTH Gỗ Tân Mai xây dựng Phương án thoái vốn của Tổng công ty tại đơn vị từ 70,12% vốn điều lệ xuống mức dưới 50% vốn điều lệ, trình Hội đồng thành viên Tổng công ty;

Trong quá trình xây dựng Phương án thoái vốn đề trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt còn những vướng mắc về cơ chế. Tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 31/10/2015 của Chính phủ có quy định việc xác định giá trị doanh nghiệp phải bao gồm cả giá trị được tạo bởi giá trị quyền sử dụng đất giao hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai và giá trị các quyền sở hữu trí tuệ (nếu có) của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tại thời điểm chuyển nhượng vốn; do không có hướng dẫn cụ thể của các cấp có thẩm quyền về việc xác định giá trị quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm, nên các công ty tư vấn thẩm định giá gặp khó khăn khi xác định giá trị quyền sử dụng đất đối

với đất thuê trả tiền hàng năm làm cơ sở để xây dựng phương án thoái vốn trình Chủ sở hữu; do đó phải chờ Chính phủ ban hành Nghị định bổ sung, điều chỉnh Nghị định 91/2015/NĐ-CP.

Do việc ban hành Nghị định/Thông tư chậm nên làm ảnh hưởng dẫn đến làm chậm việc xác định giá trị doanh nghiệp kéo theo việc chậm quá trình xây dựng phương án thoái vốn để Tổng công ty trình lên các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **III/ TÍNH KINH TẾ, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC**

#### **1. Về hiệu quả hoạt động kinh doanh**

- Theo báo cáo của Công ty: Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2017 theo báo cáo của Công ty là 298.312.304.785 đồng, bằng 90.86 % so với năm 2016. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2017 theo báo cáo của Công ty 15.193.723.172 đồng

- Sau kết quả kiểm toán, tổng doanh thu và thu nhập năm 2017 là 298.312.304.785 đồng, bằng 90.86 % so với năm 2016. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 15.330.072.759 đồng.

#### **2. Về bảo toàn, phát triển và sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu**

- Theo báo cáo, khả năng thanh toán nợ đến hạn = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn=0,95. Sau kiểm toán, khả năng thanh toán nợ đến hạn 0,949 lần. Cho thấy, Công ty không đảm bảo được khả năng thanh toán nợ trong thời gian ngắn hạn.

- Theo báo cáo, mức độ bảo toàn vốn = (Tổng TS - Nợ phải trả)/(Vốn CSH+Quỹ đầu tư phát triển) = 1,52 lần. Sau kiểm toán, mức độ bảo toàn vốn 1,52 lần. Điều này cho thấy Công ty bảo toàn và phát triển được nguồn vốn chủ sở hữu.

#### **3. Hiệu lực trong điều hành, quản lý, sử dụng vốn và tài sản**

Công ty đã cơ bản chấp hành theo các quy định tại Điều lệ Công ty. Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý, thực hiện việc kiểm soát, giám sát và ban hành các quy định nội bộ để quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị ; đảm bảo các chỉ tiêu về khả năng thanh toán nợ và nộp ngân sách nhà nước; năm 2017 không để xảy ra sai phạm trong việc chấp hành các quy định về quản lý, sử dụng vốn và mua sắm tài sản.

### **PHẦN THỨ HAI**

#### **Ý KIẾN CỦA TỔ KIỂM TOÁN VỀ CÁC NỘI DUNG KIỂM TOÁN**

##### **1. Đối với Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai:**

Điều chỉnh báo cáo tài chính, kê khai thuế TNDN theo kết quả kiểm toán:

- Nộp NSNN số thuế TNDN do KTNN xác định: **243.421.274 đồng.**

##### **2. Đối với Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.**

- Chỉ đạo các công ty thành viên thực hiện nghiêm túc các kiến nghị, kết luận của Kiểm toán nhà nước.

**PHẦN THỨ BA**  
**Ý KIẾN CỦA ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

.....  
.....  
Biên bản kiểm toán này gồm 17 trang, từ trang 1 đến trang 17 là bộ phận không tách rời của Biên bản kiểm toán.

Biên bản kiểm toán này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, đơn vị được kiểm toán giữ 01 bản và Kiểm toán nhà nước giữ 02 bản./.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



*Phạm Ngọc Tuyết Vân*

**GIÁM ĐỐC**



*Đương Thị Mỹ Dung*

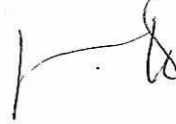
**TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TOÁN**



**Lê Viết Trại**

*Số hiệu thẻ KTVNN: B0356*

**TRƯỞNG ĐOÀN KTNN**



**Hoàng Quốc Dũng**

*Số hiệu thẻ KTVNN: B0350*